

CÔNG TY TNHH MTV YÊN SƠN XL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV YÊN SƠN XL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MTV YEN SON XL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MTV YEN SON XL CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400961770

3. Ngày thành lập: 08/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đồng Thủy, Xã Hương Sơn, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0906 128 384

Fax:

Email: congtyyenson1989@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Lắp đặt, trang trí nội thất	4330
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	4513
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn mỹ phẩm, Kinh doanh đồ mộc dân dụng	4649(Chính)
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá mà công ty kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ xuất, nhập khẩu hàng hoá	8299
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Bán buôn tổng hợp	4690
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
30.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
31.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
32.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
35.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
36.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ mộc dân dụng, công nghiệp	1629
40.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
41.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
42.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
43.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
44.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
45.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ, đá phong thủy và các sản phẩm từ đá	2396

46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Đúc sắt, thép	2431
48.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
49.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
50.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
51.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
52.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
53.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
54.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
56.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
57.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
58.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
59.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
62.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
63.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
64.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
65.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
67.	Bốc xếp hàng hóa	5224
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
70.	Bưu chính	5310
71.	Chuyển phát	5320
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Cơ sở lưu trú khác	5590
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
79.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

80.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
81.	Đại lý du lịch	7911
82.	Điều hành tua du lịch	7912
83.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
84.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
86.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng các loại máy và động cơ công nghệ cao cho ngành nghề gỗ , sắt thép, nhôm kính	3312
87.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
88.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
89.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
90.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
91.	Xây dựng nhà để ở	4101
92.	Xây dựng nhà không để ở	4102
93.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
94.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
95.	Xây dựng công trình điện	4221
96.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
97.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
98.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
99.	Xây dựng công trình thủy	4291
100.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
101.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
103.	Phá dỡ	4311
104.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
105.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
106.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
107.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh đồ gỗ, đồ cơ khí, máy móc thiết bị công nghệ cao trong xây dựng	4752
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

